

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-ST

Ngày: 08-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Giúp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Hồng

Bà Hà Thị Mai Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Bà Hứa Thị Cẩm Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1993; Có mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã P1, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1952; Vắng mặt

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P2, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh S trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Vào tháng 10 năm 2016, do là chỗ quen biết từ trước, ông có cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P vay số tiền 215.000.000 đồng. Hai bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 22-10-2016 do ông Nguyễn Văn Đ viết, thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng, thời hạn vay 20 ngày sẽ trả vốn và lãi. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất và thời hạn trả tiền. Ông đã giao đủ tiền cho ông Đ và bà P. Ông Đ viết Giấy mượn tiền rồi ông Đ và bà P ký và ghi họ tên. Đến hạn ông Đ và bà P không trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Ông đã nhiều lần liên lạc ông Đ yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ vẫn không trả.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền 307.574.000 đồng gồm số tiền gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi từ

ngày 22/10/2016 đến ngày 22/11/2019 là 92.574.000 đồng, tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 1,175%/ tháng tính từ ngày 22/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn – bà Trần Thị P trình bày: Ông S khởi kiện yêu cầu bà và ông Đ trả số tiền 307.574.000 đồng thì bà chỉ đồng ý cùng ông Đ trả dần cho ông Sang số tiền 215.000.000 đồng tiền gốc. Đối với việc ông S yêu cầu trả số tiền lãi, bà không đồng ý, vì trong Giấy mượn tiền không có thỏa thuận về tiền lãi. Ông Sang cho rằng bà và ông Đ vay số tiền 215.000.000 đồng là không đúng. Số tiền này bà không có vay mà con bà là Nguyễn Văn Đ vay, bà có mặt chứng kiến nên S và Đ kêu bà ký tên vào Giấy mượn tiền. Ông S giao tiền cho Đ bao nhiêu, thỏa thuận lãi suất, thời gian trả như thế nào thì bà không biết. Theo bà được biết thì từ khi nhận tiền, ông Đ chưa trả tiền cho ông S. Ông S không có đến nhà đòi tiền, thời gian khoảng cuối năm 2019 ông S có điện thoại cho bà hỏi ông Đ có về không, nhắc ông Đ trả tiền.

Ông Đ là con út trong gia đình bà hiện đi làm ăn xa, khi nhận văn bản của Tòa án tổng đạt bà có báo cho ông Đ biết nhưng Đ không về được.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc ông S khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán như thụ lý đúng thẩm quyền, xác định tư cách người tham gia tố tụng chính xác, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, việc ông S yêu cầu ông Đ và bà P trả lại số tiền gốc 215.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Giấy mượn tiền ngày 22/10/2016 không có thể hiện thời gian trả lại tiền và lãi suất, ông S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc vay tiền giữa ông S với ông Đ và bà P là hợp đồng vay có lãi suất và thời hạn trả. Do đó, xác định hợp đồng vay giữa các đương sự là hợp đồng vay không có lãi suất và không có thời hạn trả. Vì vậy, yêu cầu trả lãi của ông S đối với ông Đ và bà P là không căn cứ. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S. Buộc bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền đã vay là 215.000.000 đồng. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S tranh chấp hợp đồng vay với bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn Đ là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về áp dụng pháp luật: Các bên thỏa thuận và thực hiện hợp đồng vay tài sản tại thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Đ, bà P.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Thanh S khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền 307.574.000 đồng gồm số tiền gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/10/2016 đến ngày 22-11-2019 là 92.574.000 đồng, tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 1,175%/ tháng tính từ ngày 22/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền vay: Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp Giấy mượn tiền ngày 22-10-2016 và lời trình bày của bà P, có cơ sở để xác định là ông Đ và bà P có vay của ông S là 215.000.000 đồng nên buộc bà P và ông Đ có trách nhiệm trả cho ông S 215.000.000 đồng tiền vay.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Ông S trình bày khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng, thời hạn vay 20 ngày. Hết thời hạn này ông Đ và bà P không trả, ông S có nhiều lần đòi nợ. Còn bà P trình bày giữa ông S và ông Đ vay tiền thỏa thuận như thế nào bà không biết, việc ông Đ có đòi nợ ông S không thì bà không biết, bà không đồng ý trả lãi. Căn cứ Giấy vay tiền đề ngày 22-10-2016 không thể hiện các bên thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay. Ông S không chứng minh được Hợp đồng vay là có lãi suất và có thời hạn. Do đó xác định Hợp đồng vay giữa ông S, ông Đ và bà P là hợp đồng vay không có lãi và không có thời hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2005. Không chấp nhận yêu cầu của ông S, buộc bà P và ông Đ trả lãi 92.574.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.750.000 đồng, mỗi người chịu ½ án phí. Bà P là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí do đó Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bà P. Ông Đ phải chịu 5.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông S phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Thanh S tranh chấp hợp đồng vay với ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 215.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Thanh S yêu cầu bà P và ông Đ trả tiền lãi 92.574.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 5.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Ông Nguyễn Thanh S phải chịu 4.628.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông S đã nộp tạm ứng án phí 7.689.500 đồng theo Biên lai thu số 0001779 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, chuyển sang án phí 4.628.700 đồng, hoàn lại cho ông S 3.060.800 đồng.

4. Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Giúp